

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÂN HIỆU VĨNH LONG**

Biểu mẫu 19

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2022-2023

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó:	29.340,5			x
a	Trụ sở chính	15.000,9			
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại Xã Phước Hậu, huyện Long Hồ	14.339,6			x
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học. Trong đó:	14.375			x
a	Trụ sở chính	14.375			x
b	Phân hiệu tại				
c	Cơ sở 2 tại Xã Phước Hậu, huyện Long Hồ				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	0			0			
2	Phòng thực hành	02	Thực hành	GV, SV	240 m ²	x		
3	Xưởng thực tập	0			0			
4	Nhà tập đa năng	02	Tập	GV, SV	268	x		

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			luyện TDDT					
5	Hội trường	03	Học tập, Hội họp	GV, SV	859	x		
6	Phòng học	26	Học tập	GV, SV	1.895	x		
7	Phòng học đa phương tiện	0			0			
8	Thư viện	01		GV, SV	322	x		
9	Trung tâm học liệu	0			0			
10	Các phòng chức năng khác	29	Làm việc	GV	1.360	x		
11	Phòng Studio	01	Học tập, làm việc	GV, SV	92	x		
12	Trung tâm Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long (MCIE)	01	Học tập, làm việc	GV, SV	280	x		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	5
2	Số chỗ ngồi đọc	100
3	Số máy tính của thư viện	08
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	458.825
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	175

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	14.7 (29.340,5/1.990)

2	Diện tích sàn/sinh viên	7.2 (14.375/1.990)
---	-------------------------	-----------------------

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 10 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thý Liễu